TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H**,** sinh ngày 09/5/1992,

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B**,** sinh ngày 21/6/1986,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Đài Loan (Trung Quốc).

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H *trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/11/2009. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì anh B đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 chị cũng sang Đài Loan cùng chồng. Do điều kiện công việc nên anh chị không sống cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau. Năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống xa nhà gặp rất nhiều khó khăn nhưng anh B không làm chỗ dựa cho chị, không giúp đỡ và không quan tâm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đều nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2022 chị về nước, còn anh B vẫn đang lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc với nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26/9/2010 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/6/2013, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Trà M, giao cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Q cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, chị có trách nhiệm chăm sóc con Nguyễn Ngọc Q cho đến khi anh B về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh B nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh B. Bà Luyện Thị B1 (mẹ đẻ anh B) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh B vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh B biết, qua liên lạc anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp không được nuôi hai con thì anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Q, để chị H chăm sóc con Nguyễn Thị Trà M cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí để chị H chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị H và anh B là cháu Nguyễn Ngọc Q có nguyện vọng được ở với anh B, cháu Nguyễn Thị Trà M có nguyện vọng được ở với chị H. Trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, cháu Q đề nghị được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc B. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Q cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Trà M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Q cho đến khi anh B về nước. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Ngọc B có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh B đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh B. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh B cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà B1 là mẹ đẻ anh B để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh B đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà B1 vẫn liên lạc với anh B và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh B. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/11/2009 là hôn nhân hợp pháp. Năm 2016 - 2017 anh chị cùng sang lao động tại Đài Loan nhưng không sống cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau. Năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không quan tâm, không chia sẻ và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đều nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2022 chị H về nước, còn anh B vẫn đang lao động tại Đài Loan, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Thông qua gia đình anh B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26/9/2010 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/6/2013, hiện các con đang ở với chị H. Chị H và anh Ba c thống nhất giao con chung Nguyễn Ngọc Q cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Trà M cho chị H, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam, chị H có trách nhiệm chăm sóc con Nguyễn Ngọc Q cho đến khi anh B về nước. Cháu Nguyễn Ngọc Q cũng có nguyện vọng được ở với anh B, cháu Nguyễn Thị Trà M có nguyện vọng được ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Ngọc Q cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Trà M cho chị H tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Nguyễn Ngọc Q cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh Ba k yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Ngọc B.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Ngọc B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26/9/2010; giao cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 02/6/2013 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Nguyễn Ngọc Q cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000392 ngày 03/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường